

Mã đề thi 791

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Cho biết: hằng số Plăng $h = 6,625.10^{-34}$ J.s; độ lớn điện tích nguyên tố $e = 1,6.10^{-19}$ C; tốc độ ánh sáng trong chân không $c = 3.10^8$ m/s; $1 u = 931,5$ MeV/ c^2 ; số A-vô-ga-đrô $N_A = 6,02.10^{23}$ nguyên tử/mol.

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (40 câu, từ câu 1 đến câu 40)

Câu 1: Trong thí nghiệm Y-âng về giao thoa ánh sáng, chiếu vào hai khe đồng thời hai ánh sáng đơn sắc có bước sóng $\lambda_1 = 0,66 \mu\text{m}$ và $\lambda_2 = 0,55 \mu\text{m}$. Trên màn quan sát, vân sáng bậc 5 của ánh sáng có bước sóng λ_1 trùng với vân sáng bậc mấy của ánh sáng có bước sóng λ_2 ?

- A. Bậc 9. B. Bậc 8. C. Bậc 7. D. Bậc 6.

Câu 2: Mạch chọn sóng của một máy thu sóng vô tuyến gồm cuộn cảm thuần có độ tự cảm $\frac{0,4}{\pi}$ H và tụ điện có điện dung C thay đổi được. Điều chỉnh $C = \frac{10}{9\pi}$ pF thì mạch này thu được sóng điện từ có bước sóng bằng

- A. 100 m. B. 400 m. C. 200 m. D. 300 m.

Câu 3: Khi nói về hệ số công suất $\cos\phi$ của đoạn mạch điện xoay chiều, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Với đoạn mạch chỉ có tụ điện hoặc chỉ có cuộn cảm thuần thì $\cos\phi = 0$.
- B. Với đoạn mạch có R, L, C mắc nối tiếp đang xảy ra cộng hưởng thì $\cos\phi = 0$.
- C. Với đoạn mạch chỉ có điện trở thuần thì $\cos\phi = 1$.
- D. Với đoạn mạch gồm tụ điện và điện trở thuần mắc nối tiếp thì $0 < \cos\phi < 1$.

Câu 4: Một hạt nhân của chất phóng xạ A đang đứng yên thì phân rã tạo ra hai hạt B và C. Gọi m_A, m_B, m_C lần lượt là khối lượng nghỉ của các hạt A, B, C và c là tốc độ ánh sáng trong chân không. Quá trình phóng xạ này tỏa ra năng lượng Q. Biểu thức nào sau đây đúng?

- A. $m_A = m_B + m_C$.
- B. $m_A = \frac{Q}{c^2} - m_B - m_C$.
- C. $m_A = m_B + m_C + \frac{Q}{c^2}$.
- D. $m_A = m_B + m_C - \frac{Q}{c^2}$.

Câu 5: Khi nói về điện từ trường, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Nếu tại một nơi có từ trường biến thiên theo thời gian thì tại đó xuất hiện điện trường xoáy.
- B. Trong quá trình lan truyền điện từ trường, vectơ cường độ điện trường và vectơ cảm ứng từ tại một điểm luôn vuông góc với nhau.
- C. Điện trường và từ trường là hai mặt thể hiện khác nhau của một trường duy nhất gọi là điện từ trường.
- D. Điện từ trường không lan truyền được trong điện môi.

Câu 6: Giữa anôt và catôt của một ống phát tia X có hiệu điện thế không đổi là 25 kV. Bỏ qua động năng của electron khi bứt ra từ catôt. Bước sóng ngắn nhất của tia X mà ống có thể phát ra bằng

- A. 31,57 pm. B. 35,15 pm. C. 39,73 pm. D. 49,69 pm.

Câu 7: Đặt điện áp $u = 220\sqrt{2}\cos 100\pi t$ (V) vào hai đầu đoạn mạch gồm một bóng đèn dây tóc loại 110 V – 50 W mắc nối tiếp với một tụ điện có điện dung C thay đổi được. Điều chỉnh C để đèn sáng bình thường. Độ lệch pha giữa cường độ dòng điện và điện áp ở hai đầu đoạn mạch lúc này là

- A. $\frac{\pi}{2}$. B. $\frac{\pi}{6}$. C. $\frac{\pi}{3}$. D. $\frac{\pi}{4}$.

Câu 8: Trong mạch dao động lí tưởng gồm tụ điện có điện dung C và cuộn cảm thuần có độ tự cảm L , đang có dao động điện từ tự do. Biết hiệu điện thế cực đại giữa hai bản tụ là U_0 . Khi hiệu điện thế giữa hai bản tụ là $\frac{U_0}{2}$ thì cường độ dòng điện trong mạch có độ lớn bằng

- A. $\frac{U_0}{2} \sqrt{\frac{3L}{C}}$. B. $\frac{U_0}{2} \sqrt{\frac{3C}{L}}$. C. $\frac{U_0}{2} \sqrt{\frac{5C}{L}}$. D. $\frac{U_0}{2} \sqrt{\frac{5L}{C}}$.

Câu 9: Đặt điện áp $u = U_0 \cos \omega t$ (U_0 và ω không đổi) vào hai đầu đoạn mạch xoay chiều nối tiếp gồm điện trở thuần, cuộn cảm thuần và tụ điện có điện dung điều chỉnh được. Khi dung kháng là 100Ω thì công suất tiêu thụ của đoạn mạch đạt cực đại là 100 W . Khi dung kháng là 200Ω thì điện áp hiệu dụng giữa hai đầu tụ điện là $100\sqrt{2} \text{ V}$. Giá trị của điện trở thuần là

- A. 100Ω . B. 150Ω . C. 160Ω . D. 120Ω .

Câu 10: Một khung dây dẫn phẳng, hình chữ nhật, diện tích $0,025 \text{ m}^2$, gồm 200 vòng dây quay đều với tốc độ 20 vòng/s quanh một trục cố định trong một từ trường đều. Biết trục quay là trục đối xứng nằm trong mặt phẳng khung và vuông góc với phương của từ trường. Suất điện động hiệu dụng xuất hiện trong khung có độ lớn bằng 222 V . Cảm ứng từ có độ lớn bằng

- A. $0,45 \text{ T}$. B. $0,60 \text{ T}$. C. $0,50 \text{ T}$. D. $0,40 \text{ T}$.

Câu 11: Các nguyên tử hiđrô đang ở trạng thái dừng ứng với êlectron chuyển động trên quỹ đạo có bán kính lớn gấp 9 lần so với bán kính Bo. Khi chuyển về các trạng thái dừng có năng lượng thấp hơn thì các nguyên tử sẽ phát ra các bức xạ có tần số khác nhau. Có thể có nhiều nhất bao nhiêu tần số?

- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 12: Khi nói về hạt sơ cấp, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tập hợp các mêzôn và các barion có tên chung là các hadrôn.
 B. Phân tử, nguyên tử là những hạt sơ cấp.
 C. Prôtôn là hạt sơ cấp có phản hạt là notron.
 D. Notrinô là hạt sơ cấp có khối lượng nghỉ bằng khối lượng nghỉ của êlectron.

Câu 13: Hạt nhân ${}_{17}^{35}\text{Cl}$ có

- A. 17 notron. B. 35 nuclôn. C. 18 prôtôn. D. 35 notron.

Câu 14: Một sóng cơ lan truyền trong một môi trường. Hai điểm trên cùng một phương truyền sóng, cách nhau một khoảng bằng bước sóng có dao động

- A. lệch pha $\frac{\pi}{2}$. B. ngược pha. C. lệch pha $\frac{\pi}{4}$. D. cùng pha.

Câu 15: Một con lắc lò xo gồm quả cầu nhỏ khối lượng 500 g và lò xo có độ cứng 50 N/m . Cho con lắc dao động điều hòa trên phương nằm ngang. Tại thời điểm vận tốc của quả cầu là $0,1 \text{ m/s}$ thì gia tốc của nó là $-\sqrt{3} \text{ m/s}^2$. Cơ năng của con lắc là

- A. $0,01 \text{ J}$. B. $0,02 \text{ J}$. C. $0,05 \text{ J}$. D. $0,04 \text{ J}$.

Câu 16: Một máy tăng áp có cuộn thứ cấp mắc với điện trở thuần, cuộn sơ cấp mắc với nguồn điện xoay chiều. Tần số dòng điện trong cuộn thứ cấp

- A. luôn lớn hơn tần số dòng điện trong cuộn sơ cấp.
 B. luôn nhỏ hơn tần số dòng điện trong cuộn sơ cấp.
 C. bằng tần số dòng điện trong cuộn sơ cấp.
 D. có thể nhỏ hơn hoặc lớn hơn tần số dòng điện trong cuộn sơ cấp.

Câu 17: Đặt điện áp xoay chiều $u = U_0 \cos 2\pi ft$ (U_0 không đổi, f thay đổi được) vào hai đầu đoạn mạch chỉ có tụ điện. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Cường độ dòng điện hiệu dụng trong đoạn mạch càng lớn khi tần số f càng lớn.
 B. Điện áp giữa hai đầu đoạn mạch sớm pha $\frac{\pi}{2}$ so với cường độ dòng điện trong đoạn mạch.
 C. Cường độ dòng điện hiệu dụng trong đoạn mạch không đổi khi tần số f thay đổi.
 D. Dung kháng của tụ điện càng lớn khi tần số f càng lớn.

Câu 18: Dùng hạt α bắn phá hạt nhân nitơ đang đứng yên thì thu được một hạt prôtôn và hạt nhân ôxi theo phản ứng: ${}^4_2\alpha + {}^{14}_7\text{N} \rightarrow {}^{17}_8\text{O} + {}^1_1\text{p}$. Biết khối lượng các hạt trong phản ứng trên là: $m_\alpha = 4,0015 \text{ u}$; $m_{\text{N}} = 13,9992 \text{ u}$; $m_{\text{O}} = 16,9947 \text{ u}$; $m_{\text{p}} = 1,0073 \text{ u}$. Nếu bỏ qua động năng của các hạt sinh ra thì động năng tối thiểu của hạt α là

- A. 3,007 MeV. B. 1,211 MeV. C. 29,069 MeV. D. 1,503 MeV.

Câu 19: Một kim loại có giới hạn quang điện là λ_0 . Chiếu bức xạ có bước sóng bằng $\frac{\lambda_0}{3}$ vào kim loại này. Cho rằng năng lượng mà electron quang điện hấp thụ từ photon của bức xạ trên, một phần dùng để giải phóng nó, phần còn lại biến hoàn toàn thành động năng của nó. Giá trị động năng này là

- A. $\frac{2hc}{\lambda_0}$. B. $\frac{hc}{2\lambda_0}$. C. $\frac{hc}{3\lambda_0}$. D. $\frac{3hc}{\lambda_0}$.

Câu 20: Vật dao động tắt dần có

- A. pha dao động luôn giảm dần theo thời gian. B. li độ luôn giảm dần theo thời gian.
C. thế năng luôn giảm dần theo thời gian. D. cơ năng luôn giảm dần theo thời gian.

Câu 21: Trong bốn hành tinh: Thủy tinh, Kim tinh, Trái Đất, Hỏa tinh thì hành tinh có khối lượng lớn nhất là

- A. Kim tinh. B. Thủy tinh. C. Hỏa tinh. D. Trái Đất.

Câu 22: Khi nói về tia tử ngoại, phát biểu nào sau đây sai?

A. Trong công nghiệp, tia tử ngoại được dùng để phát hiện các vết nứt trên bề mặt các sản phẩm kim loại.

B. Tia tử ngoại là sóng điện từ có tần số nhỏ hơn tần số của ánh sáng tím.

C. Trong y học, tia tử ngoại được dùng để chữa bệnh còi xương.

D. Tia tử ngoại có tác dụng mạnh lên phim ảnh.

Câu 23: Đặt điện áp $u = 150\sqrt{2} \cos 100\pi t$ (V) vào hai đầu đoạn mạch gồm điện trở thuần, cuộn cảm thuần và tụ điện mắc nối tiếp thì điện áp hiệu dụng giữa hai đầu điện trở thuần là 150 V. Hệ số công suất của đoạn mạch là

- A. $\frac{1}{2}$. B. $\frac{\sqrt{3}}{2}$. C. $\frac{\sqrt{3}}{3}$. D. 1.

Câu 24: Tia laze có tính đơn sắc rất cao vì các photon do laze phát ra có

A. độ sai lệch bước sóng là rất lớn. B. độ sai lệch tần số là rất nhỏ.

C. độ sai lệch năng lượng là rất lớn. D. độ sai lệch tần số là rất lớn.

Câu 25: Một đoạn mạch điện xoay chiều gồm một tụ điện và một cuộn cảm thuần mắc nối tiếp. Độ lệch pha giữa điện áp ở hai đầu tụ điện và điện áp ở hai đầu đoạn mạch bằng

- A. $\frac{\pi}{2}$. B. 0 hoặc π . C. $-\frac{\pi}{2}$. D. $\frac{\pi}{6}$ hoặc $-\frac{\pi}{6}$.

Câu 26: Trong khoảng thời gian 4 h có 75% số hạt nhân ban đầu của một đồng vị phóng xạ bị phân rã. Chu kỳ bán rã của đồng vị đó là

- A. 2 h. B. 1 h. C. 3 h. D. 4 h.

Câu 27: Trên một phương truyền sóng có hai điểm M và N cách nhau 80 cm. Sóng truyền theo chiều từ M đến N với bước sóng là 1,6 m. Coi biên độ của sóng không đổi trong quá trình truyền sóng. Biết phương trình sóng tại N là $u_N = 0,08 \cos \frac{\pi}{2}(t - 4)$ (m) thì phương trình sóng tại M là

- A. $u_M = 0,08 \cos \frac{\pi}{2}(t + \frac{1}{2})$ (m). B. $u_M = 0,08 \cos \frac{\pi}{2}(t + 4)$ (m).

- C. $u_M = 0,08 \cos \frac{\pi}{2}(t - 2)$ (m). D. $u_M = 0,08 \cos \frac{\pi}{2}(t - 1)$ (m).

Câu 28: Khi nói về quang điện, phát biểu nào sau đây sai?

A. Pin quang điện hoạt động dựa trên hiện tượng quang điện ngoài vì nó nhận năng lượng ánh sáng từ bên ngoài.

B. Công thoát electron của kim loại thường lớn hơn năng lượng cần thiết để giải phóng electron liên kết trong chất bán dẫn.

C. Điện trở của quang điện trở giảm khi có ánh sáng thích hợp chiếu vào.

D. Chất quang dẫn là chất dẫn điện kém khi không bị chiếu sáng và trở thành chất dẫn điện tốt khi bị chiếu ánh sáng thích hợp.

Câu 29: Trên một sợi dây đàn hồi đang có sóng dừng. Khoảng cách từ một nút đến một bụng kề nó bằng

A. hai bước sóng.

B. một nửa bước sóng.

C. một phần tư bước sóng.

D. một bước sóng.

Câu 30: Trong máy phát điện xoay chiều ba pha đang hoạt động, suất điện động xoay chiều xuất hiện trong mỗi cuộn dây của stato có giá trị cực đại là E_0 . Khi suất điện động tức thời trong một cuộn dây bằng 0 thì suất điện động tức thời trong mỗi cuộn dây còn lại có độ lớn bằng nhau và bằng

A. $\frac{E_0 \sqrt{3}}{2}$.

B. $\frac{2E_0}{3}$.

C. $\frac{E_0}{2}$.

D. $\frac{E_0 \sqrt{2}}{2}$.

Câu 31: Hình chiếu của một chất điểm chuyển động tròn đều lên một đường kính của quỹ đạo có chuyển động là dao động điều hòa. Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Tần số góc của dao động điều hòa bằng tốc độ góc của chuyển động tròn đều.

B. Tốc độ cực đại của dao động điều hòa bằng tốc độ dài của chuyển động tròn đều.

C. Lực kéo về trong dao động điều hòa có độ lớn bằng độ lớn lực hướng tâm trong chuyển động tròn đều.

D. Biên độ của dao động điều hòa bằng bán kính của chuyển động tròn đều.

Câu 32: Trong mạch dao động LC lí tưởng đang có dao động điện từ tự do, cường độ dòng điện trong mạch và hiệu điện thế giữa hai bản tụ điện lệch pha nhau một góc bằng

A. 0.

B. $\frac{\pi}{2}$.

C. π .

D. $\frac{\pi}{4}$.

Câu 33: Khi nói về dao động điều hòa, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Dao động của con lắc đơn luôn là dao động điều hòa.

B. Cơ năng của vật dao động điều hòa không phụ thuộc biên độ dao động.

C. Hợp lực tác dụng lên vật dao động điều hòa luôn hướng về vị trí cân bằng.

D. Dao động của con lắc lò xo luôn là dao động điều hòa.

Câu 34: Một vật nhỏ có chuyển động là tổng hợp của hai dao động điều hòa cùng phương. Hai dao động này có phương trình là $x_1 = A_1 \cos \omega t$ và $x_2 = A_2 \cos(\omega t + \frac{\pi}{2})$. Gọi E là cơ năng của vật. Khối lượng của vật bằng

A. $\frac{E}{\omega^2 \sqrt{A_1^2 + A_2^2}}$.

B. $\frac{2E}{\omega^2 \sqrt{A_1^2 + A_2^2}}$.

C. $\frac{E}{\omega^2 (A_1^2 + A_2^2)}$.

D. $\frac{2E}{\omega^2 (A_1^2 + A_2^2)}$.

Câu 35: Quan sát sóng dừng trên sợi dây AB, đầu A dao động điều hòa theo phương vuông góc với sợi dây (coi A là nút). Với đầu B tự do và tần số dao động của đầu A là 22 Hz thì trên dây có 6 nút. Nếu đầu B cố định và coi tốc độ truyền sóng trên dây như cũ, để vẫn có 6 nút thì tần số dao động của đầu A phải bằng

A. 25 Hz.

B. 18 Hz.

C. 20 Hz.

D. 23 Hz.

Câu 36: Một con lắc đơn dao động điều hòa với biên độ góc α_0 . Lấy mốc thế năng ở vị trí cân bằng. Ở vị trí con lắc có động năng bằng thế năng thì li độ góc của nó bằng

A. $\pm \frac{\alpha_0}{3}$.

B. $\pm \frac{\alpha_0}{\sqrt{2}}$.

C. $\pm \frac{\alpha_0}{\sqrt{3}}$.

D. $\pm \frac{\alpha_0}{2}$.

Câu 37: Khi nói về ánh sáng đơn sắc, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Trong thủy tinh, các ánh sáng đơn sắc khác nhau truyền với tốc độ như nhau.

B. Ánh sáng đơn sắc không bị tán sắc khi truyền qua lăng kính.

C. Ánh sáng trắng là ánh sáng đơn sắc vì nó có màu trắng.

D. Tốc độ truyền của một ánh sáng đơn sắc trong nước và trong không khí là như nhau.

Câu 38: Một vật dao động điều hòa có chu kì 2 s, biên độ 10 cm. Khi vật cách vị trí cân bằng 6 cm, tốc độ của nó bằng

- A. 25,13 cm/s. B. 12,56 cm/s. C. 20,08 cm/s. D. 18,84 cm/s.

Câu 39: Chiết suất của một thủy tinh đối với một ánh sáng đơn sắc là 1,6852. Tốc độ của ánh sáng này trong thủy tinh đó là

- A. $1,59 \cdot 10^8$ m/s. B. $1,87 \cdot 10^8$ m/s. C. $1,67 \cdot 10^8$ m/s. D. $1,78 \cdot 10^8$ m/s.

Câu 40: Theo thuyết lượng tử ánh sáng, để phát ánh sáng huỳnh quang, mỗi nguyên tử hay phân tử của chất phát quang hấp thụ hoàn toàn một photon của ánh sáng kích thích có năng lượng ϵ để chuyển sang trạng thái kích thích, sau đó

- A. giải phóng một electron tự do có năng lượng lớn hơn ϵ do có bổ sung năng lượng.
B. giải phóng một electron tự do có năng lượng nhỏ hơn ϵ do có mất mát năng lượng.
C. phát ra một photon khác có năng lượng lớn hơn ϵ do có bổ sung năng lượng.
D. phát ra một photon khác có năng lượng nhỏ hơn ϵ do có mất mát năng lượng.

II. PHẦN RIÊNG [10 câu]

Thí sinh chỉ được làm một trong hai phần (phần A hoặc B)

A. Theo chương trình Chuẩn (10 câu, từ câu 41 đến câu 50)

Câu 41: Biết khối lượng của hạt nhân ${}_{92}^{235}\text{U}$ là 234,99 u, của proton là 1,0073 u và của neutron là 1,0087 u. Năng lượng liên kết riêng của hạt nhân ${}_{92}^{235}\text{U}$ là

- A. 7,95 MeV/nuclôn. B. 6,73 MeV/nuclôn. C. 8,71 MeV/nuclôn. D. 7,63 MeV/nuclôn.

Câu 42: Theo mẫu nguyên tử Bo, trạng thái dừng của nguyên tử

- A. có thể là trạng thái cơ bản hoặc trạng thái kích thích.
B. là trạng thái mà các electron trong nguyên tử ngừng chuyển động.
C. chỉ là trạng thái kích thích.
D. chỉ là trạng thái cơ bản.

Câu 43: Cho dòng điện xoay chiều có tần số 50 Hz chạy qua một đoạn mạch. Khoảng thời gian giữa hai lần liên tiếp cường độ dòng điện này bằng 0 là

- A. $\frac{1}{25}$ s. B. $\frac{1}{50}$ s. C. $\frac{1}{100}$ s. D. $\frac{1}{200}$ s.

Câu 44: Hạt sơ cấp nào sau đây **không** phải là lepton?

- A. Pôzitron. B. Notrinô. C. Prôtôn. D. Êlectron.

Câu 45: Một con lắc đơn có chiều dài dây treo 1 m dao động điều hòa với biên độ góc $\frac{\pi}{20}$ rad tại nơi có gia tốc trọng trường $g = 10 \text{ m/s}^2$. Lấy $\pi^2 = 10$. Thời gian ngắn nhất để con lắc đi từ vị trí cân bằng đến vị trí có li độ góc $\frac{\pi\sqrt{3}}{40}$ rad là

- A. $\frac{1}{3}$ s. B. $\frac{1}{2}$ s. C. 3 s. D. $3\sqrt{2}$ s.

Câu 46: Ở mặt chất lỏng có hai nguồn sóng A, B cách nhau 20 cm, dao động theo phương thẳng đứng với phương trình là $u_A = u_B = a \cos 50\pi t$ (t tính bằng s). Tốc độ truyền sóng trên mặt chất lỏng là 1,5 m/s. Trên đoạn thẳng AB, số điểm có biên độ dao động cực đại và số điểm đứng yên lần lượt là

- A. 9 và 8. B. 7 và 6. C. 9 và 10. D. 7 và 8.

Câu 47: Trong thí nghiệm Y-âng về giao thoa ánh sáng, khoảng cách giữa hai khe là 2 mm, khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn quan sát là 2 m. Nguồn phát ánh sáng gồm các bức xạ đơn sắc có bước sóng trong khoảng từ 0,40 μm đến 0,76 μm . Trên màn, tại điểm cách vân trung tâm 3,3 mm có bao nhiêu bức xạ cho vân tối?

- A. 5 bức xạ. B. 6 bức xạ. C. 3 bức xạ. D. 4 bức xạ.

Câu 48: Mạch chọn sóng của một máy thu thanh gồm một cuộn cảm thuần có độ tự cảm không đổi và một tụ điện có thể thay đổi điện dung. Khi tụ điện có điện dung C_1 , mạch thu được sóng điện từ có bước sóng 100 m; khi tụ điện có điện dung C_2 , mạch thu được sóng điện từ có bước sóng 1 km. Tỉ số $\frac{C_2}{C_1}$ là

- A. 0,1. B. 10. C. 1000. D. 100.

Câu 49: Độ lệch pha của hai dao động điều hòa cùng phương, cùng tần số và ngược pha nhau là

- A. $(2k+1)\frac{\pi}{2}$ (với $k = 0, \pm 1, \pm 2, \dots$). B. $(2k+1)\pi$ (với $k = 0, \pm 1, \pm 2, \dots$).
C. $2k\pi$ (với $k = 0, \pm 1, \pm 2, \dots$). D. $k\pi$ (với $k = 0, \pm 1, \pm 2, \dots$).

Câu 50: Khi truyền điện năng có công suất P từ nơi phát điện xoay chiều đến nơi tiêu thụ thì công suất hao phí trên đường dây là ΔP . Để cho công suất hao phí trên đường dây chỉ còn là $\frac{\Delta P}{n}$ (với $n > 1$),

ở nơi phát điện người ta sử dụng một máy biến áp (lí tưởng) có tỉ số giữa số vòng dây của cuộn sơ cấp và số vòng dây của cuộn thứ cấp là

- A. $\frac{1}{\sqrt{n}}$. B. $\frac{1}{n}$. C. \sqrt{n} . D. n .

B. Theo chương trình Nâng cao (10 câu, từ câu 51 đến câu 60)

Câu 51: Một vật rắn quay đều quanh một trục cố định xuyên qua vật. Một điểm trên vật rắn cách trục quay 5 cm có tốc độ dài là 1,3 m/s. Tốc độ góc của vật rắn có độ lớn là

- A. 26,0 rad/s. B. 2,6 rad/s. C. 52,0 rad/s. D. 5,2 rad/s.

Câu 52: Cho phản ứng hạt nhân ${}^2_1\text{H} + {}^6_3\text{Li} \rightarrow {}^4_2\text{He} + {}^4_2\text{He}$. Biết khối lượng các hạt đơteri, liti, heli trong phản ứng trên lần lượt là 2,0136 u; 6,01702 u; 4,0015 u. Coi khối lượng của nguyên tử bằng khối lượng hạt nhân của nó. Năng lượng toả ra khi có 1 g heli được tạo thành theo phản ứng trên là

- A. $2,1 \cdot 10^{10}$ J. B. $6,2 \cdot 10^{11}$ J. C. $3,1 \cdot 10^{11}$ J. D. $4,2 \cdot 10^{10}$ J.

Câu 53: Trong thí nghiệm Y-âng về giao thoa ánh sáng, chiếu ánh sáng trắng vào hai khe. Trên màn, quan sát thấy

- A. chỉ một dải sáng có màu như cầu vồng.
B. hệ vân gồm những vạch màu tím xen kẽ với những vạch màu đỏ.
C. vân trung tâm là vân sáng trắng, hai bên có những dải màu như cầu vồng, tím ở trong, đỏ ở ngoài.
D. hệ vân gồm những vạch sáng trắng xen kẽ với những vạch tối.

Câu 54: Một vật rắn quay nhanh dần đều quanh một trục cố định dưới tác dụng của một momen lực M . Bỏ qua mọi lực cản. Nếu tại thời điểm vật có tốc độ góc ω , ngừng tác dụng momen lực M thì vật rắn sẽ

- A. quay đều với tốc độ góc $\omega' < \omega$. B. dừng lại ngay.
C. quay chậm dần đều rồi dừng lại. D. quay đều với tốc độ góc ω .

Câu 55: Một đĩa tròn mỏng, đồng chất, khối lượng m , đường kính d , quay đều với tốc độ góc ω quanh một trục cố định qua tâm và vuông góc với mặt đĩa. Động năng của đĩa là

- A. $\frac{1}{16}md^2\omega^2$. B. $\frac{1}{8}md^2\omega^2$. C. $\frac{1}{4}md^2\omega^2$. D. $\frac{1}{2}md^2\omega^2$.

Câu 56: Một hạt đang chuyển động với tốc độ bằng 0,8 lần tốc độ ánh sáng trong chân không. Theo thuyết tương đối hẹp, động năng W_d của hạt và năng lượng nghỉ E_0 của nó liên hệ với nhau bởi hệ thức

- A. $W_d = \frac{3E_0}{2}$. B. $W_d = \frac{8E_0}{15}$. C. $W_d = \frac{15E_0}{8}$. D. $W_d = \frac{2E_0}{3}$.

Câu 57: Một mẫu chất phóng xạ có chu kì bán rã T . Ở các thời điểm t_1 và t_2 (với $t_2 > t_1$) kể từ thời điểm ban đầu thì độ phóng xạ của mẫu chất tương ứng là H_1 và H_2 . Số hạt nhân bị phân rã trong khoảng thời gian từ thời điểm t_1 đến thời điểm t_2 bằng

- A. $\frac{(H_1 - H_2)T}{\ln 2}$. B. $\frac{(H_1 - H_2)\ln 2}{T}$. C. $\frac{(H_1 + H_2)T}{\ln 2}$. D. $\frac{H_1 + H_2}{2(t_2 - t_1)}$.

Câu 58: Nguyên tử hiđrô chuyển từ một trạng thái kích thích về trạng thái dừng có năng lượng thấp hơn phát ra bức xạ có bước sóng 486 nm. Độ giảm năng lượng của nguyên tử hiđrô khi phát ra bức xạ này là

- A. $4,86 \cdot 10^{-19}$ J. B. $3,08 \cdot 10^{-20}$ J. C. $4,09 \cdot 10^{-19}$ J. D. $4,09 \cdot 10^{-15}$ J.

Câu 59: Một hệ gồm hai chất điểm có cùng khối lượng m được gắn ở hai đầu của một thanh đồng chất, tiết diện nhỏ, khối lượng M, chiều dài L. Momen quán tính của hệ đối với trục quay cố định qua trung điểm của thanh và vuông góc với thanh là

- A. $\left(\frac{5m+M}{6}\right)L^2$. B. $\left(\frac{6m+M}{12}\right)L^2$. C. $\left(\frac{4m+M}{8}\right)L^2$. D. $\left(\frac{7m+M}{14}\right)L^2$.

Câu 60: Trong môi trường truyền âm, tại hai điểm A và B có mức cường độ âm lần lượt là 90 dB và 40 dB với cùng cường độ âm chuẩn. Cường độ âm tại A lớn gấp bao nhiêu lần so với cường độ âm tại B?

- A. 2,25 lần. B. 1000 lần. C. 100000 lần. D. 3600 lần.

----- HẾT -----